TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6446/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân H , sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: M1-12 M2 Chung cư số 1 , Phường A, Quận B , Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Quốc tịch: Malaysia.

Địa chỉ: Malaysia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị Xuân H :

Bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh 17/6/2016, vào sổ đăng ký kết hôn số 65.

Sau khi kết hôn, ông T về Malaysia sinh sống và làm việc còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Từ khi về Malaysia thì giữa bà và ông T thỉnh thoảng có liên lạc để duy trì tình cảm vợ chồng nhưng do không có thời gian gần gũi nên mâu thuẫn xảy ra do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm và lối sống hàng ngày. Hiện tại ông T đang sinh sống và làm việc tại Malaysia, còn bà thì ở lại Việt Nam nên mâu

thuẫn không thể giải quyết được mà tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt do không thể gần gũi nhau nhiều. Hơn 05 năm giữa bà và ông T không còn liên lạc, khả năng đoàn tụ vợ chồng lại không có nên tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị ly hôn với ông T.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông T đang cư trú tại Malaysia.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H , cho bà H được ly hôn với ông T. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Xuân H đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông T hiện đang cư trú tại Malaysia. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Xuân H tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với ông T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 143/UTTPDS-TA30 ngày 19/02/2020 cho ông T theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được Văn bản số 1195/ BTP – PLQT ngày 19/5/2020 về việc Bộ Tư pháp đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp đến Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) để thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự tống đạt giấy tờ đối với đương sự ông T.

Đến ngày mở phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về kết quả tống đạt văn bản cũng như không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông T và ông T không có mặt.

Ngày 23/11/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 949/TATP-TGĐVNCTN gửi Bộ Tư pháp với nội dung đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với ông T, sinh năm 1960, quốc tịch Malaysia cư trú tại địa chỉ Malaysia.

Tuy nhiên, đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp; ông T cũng vắng mặt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân H có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân H và ông T thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo như bà H trình bày, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ và quan điểm lối sống. Từ khi về Malaysia thì giữa tôi và ông T thỉnh thoảng có liên lạc để duy trì tình cảm vợ chồng nhưng hơn 05 năm nay giữa bà và ông T không còn liên lạc nên mâu thuẫn không giải quyết được, tình cảm vợ chồng phai nhạt lại không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau.

Về phía ông T, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho ông theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông không có phản hồi, cũng không có mặt tại phiên tòa. Điều này cũng chứng tỏ là ông T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà H và ông T mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông T như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H khai không có.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phí ủy thác tư pháp và các chi phí khác bà Nguyễn Thị Xuân H chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân H .

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với ông T

Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 6 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Xuân H và ông T không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân H chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0024117 ngày 05/8/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà Nguyễn Thị Xuân H nhận tống đạt hợp lệ bản án. Đối với ông T thời hạn kháng cáo bản án là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/20b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang